TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 127/2025/DS-ST.
Ngày 25-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành T.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Kim Nghĩa;
2. Bà Trần Thị Hiền.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Chiêm Tiền Quí Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân quận B *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Quang L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1389/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-DS ngày 06/3/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S,
Địa chỉ: Số 266-268 NKa, Phường V, Quận B1, Thành phố Thành phố H.

Người Đ diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N1, địa chỉ: Số 278 NK, Phường V, Quận B1, Thành phố H, là người Đ diện ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 9101/2024/UQ-TGĐ ngày 09/12/2024). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Huỳnh Đ, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Số 27/18H KD, Phường M, Quận S, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Số 109/73C đường B2, phường A, quận B, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) có ông Nguyễn Thành N1 đại diện ủy quyền, trình bày: Ngày 27/10/2018, ông Đ với S có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điền khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ

của S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 312.399.000 đồng và đã thanh toán số tiền 317.289.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên ngày 23/4/2020, S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 28.751.640 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Sau khi chuyển nợ quá hạn, ông Đ có thanh toán cho S số tiền 26.390.000 đồng (chi tiết theo bảng kê tóm tắt), số tiền này được ưu tiên trừ vào nợ gốc 28.751.640 đồng. Tính đến ngày 25/3/2025, ông Đ còn nợ các khoản: gốc 2.361.640 đồng và lãi quá hạn 8.538.876 đồng, tổng cộng là 10.900.516 (mười triệu chín trăm nghìn năm trăm mười sáu) đồng (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm).

Do đó, S yêu cầu ông Đ phải trả làm một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 10.900.516 (mười triệu chín trăm nghìn năm trăm mười sáu) đồng, gồm: gốc 2.361.640 đồng và lãi quá hạn 8.538.876 đồng. Đồng thời buộc ông Đ phải thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ cho S.

Ông Lê Huỳnh Đ đã được triệu tập hợp lệ để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với S nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc ông Đ phải trả làm một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 10.900.516 (mười triệu chín trăm nghìn năm trăm mười sáu) đồng, gồm: gốc 2.361.640 đồng và lãi quá hạn 8.538.876 đồng. Đồng thời buộc ông Đ phải thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ cho S và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Ông Lê Huỳnh Đ đã được triệu tập hợp lệ để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với S nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đ diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của S: Buộc ông Đ phải trả làm một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 10.900.516 đồng, gồm: gốc 2.361.640 đồng và lãi quá hạn 8.538.876 đồng. Đồng thời buộc ông Đ phải thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ cho S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, bị đơn, ông Lê Huỳnh Đ có địa chỉ tại số 109/73C đường B1 Đông, phường A, quận B, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

[1.1] Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) có ông Nguyễn Thành N1 đại diện ủy quyền, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Đ đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với S nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: S với ông Đ có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điền khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận B. Qua yêu cầu khởi kiện của S, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điền khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) đã được ký kết, thì S đã cấp cho ông Đ thẻ tín dụng có hạn mức 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Do đó, có cơ sở xác định ông Đ có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/10/2018 và đã được S cấp thẻ tín dụng có hạn mức như trên.

[2.2] S cho rằng, sau khi được cấp thẻ tín dụng hạn mức 25.000.000 đồng, lãi suất là 2,6%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 312.399.000 đồng, đã thanh toán số tiền là 317.289.000 đồng (chi tết các lần thanh toán theo bảng sao kê tóm tắt đính kèm) và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/4/2020, S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá

hạn tại thời điểm này là 28.751.640 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ông Đ có tiếp thanh toán số tiền 26.390.000 đồng (chi tiết theo bảng kê tóm tắt. Tính đến ngày 25/3/2025, ông Đ còn nợ các khoản sau: gốc là 2.361.640 đồng và lãi quá hạn là 8.538.876 đồng, tổng cộng là 10.900.516 đồng (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm). Do đó, S yêu cầu buộc ông Đ phải trả số tiền còn nợ là 10.900.516 (mười triệu chín trăm nghìn năm trăm mười sáu) đồng và ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi hoàn tất việc trả nợ.

Xét thấy, theo khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì: "*Thẻ tín dụng (credit card) là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với tổ chức phát hành thẻ*"; theo điểm đ khoản 1 Điều 13 quy định: "*Quy định về phí (các loại phí, các thay đổi về phí)*" và điểm g khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước, quy định: "*Thỏa thuận về việc cấp tín dụng cho chủ thẻ, bao gồm: Các hạn mức và sự thay đổi hạn mức sử dụng thẻ, bao gồm cả hạn mức thấu chi (đối với thẻ ghi nợ) và hạn mức tín dụng; lãi suất, phương thức tính lãi tiền vay, thứ tự thu hồi nợ gốc và lãi tiền vay (đối với thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ được thấu chi); thời hạn cấp tín dụng, mục đích vay, thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, phương thức trả nợ, phí phạt khoản nợ quá hạn (nếu có). Thỏa thuận về việc cấp tín dụng cho chủ thẻ có thể được nêu trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ hoặc tại văn bản thỏa thuận riêng*". Đồng thời, theo điểm b khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước, quy định: "*TCPHT phải có quy định nội bộ về cấp tín dụng qua thẻ tín dụng phù hợp với quy định pháp luật về đảm bảo an toàn trong hoạt động cấp tín dụng, trong đó quy định cụ thể về đối tượng, hạn mức, điều kiện, thời hạn cấp tín dụng, thời hạn trả nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, lãi suất áp dụng, phương thức tính lãi tiền vay, thứ tự thu hồi nợ gốc và lãi tiền vay, phí phạt khoản nợ quá hạn, mục đích vay, quy trình thẩm định và quyết định cấp tín dụng qua thẻ theo nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng, các biện pháp áp dụng thu hồi nợ để đảm bảo trách nhiệm các bộ phận tại TCPHT trong quá trình thu hồi nợ*".

Qua xem xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/10/2018 được ký kết giữa ông Đ với S, tại phần cam kết, có nội dung: *"...Bằng việc ký vào Giấy đề nghị này, tôi xác nhận rằng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S. Điều khoản và Điều kiện cùng với Giấy đề nghị này tạo thành hợp*

đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa tôi với S. Tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh từ hoặc liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà tôi đã được cấp....". Như vậy, hợp đồng giữa đôi bên là thỏa thuận cấp thẻ tín dụng có hạn mức, theo đó S cấp cho ông Đ một khoản tiền hạn mức là 25.000.000 đồng, lãi suất do các bên thỏa thuận theo quy định, đồng thời các bên phải thực hiện đúng theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S (Đơn vị phát hành thẻ). Theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S, có hiệu lực từ 15/08/2016 (gắn với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/10/2018 được ký kết giữa ông Đ với S), tại mục 1.1 quy định: "*Thẻ tín dụng (Thẻ): là thẻ cho phép Chủ Thẻ thực hiện Giao Dịch trong Hạn Mức được cấp theo thỏa thuận với S, bao gồm Thẻ nội địa và Thẻ quốc tế*" và tại mục 1.9 quy định: " *Dư Nợ: là số tiền mà Chủ Thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các Giao Dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng Thẻ*". Tại điểm a mục 23.1 quy định: "*Chủ Thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên Thẻ. Lãi được tính như sau: Đối với Giao Dịch Mua Hàng Hóa/Thanh Toán Thẻ Trực Tuyến (không áp dụng với Thẻ nội địa, phí, lệ phí): Nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ Số Tiền Đến Hạn vào hoặc trước Ngày Đến Hạn, Chủ Thẻ phải thanh toán lãi cho S đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong TBGD hiện tại và bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trên Thẻ cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong TBGD mới nhất được thanh toán vào hoặc trước Ngày Đến Hạn. Lãi được tính từ ngày Chủ Thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ*" và tại mục 23.2 quy định: "*S có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ Thẻ*". Qua xem xét Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S phát hành tại Việt Nam của S có bảng mô tả nội dung thay đổi kèm theo thì mức lãi suất thẻ tín dụng nội địa là 2,6%/tháng. Như vậy, khi thực hiện các hoạt động cấp tín dụng cho ông Đ thì S có quy định nội bộ về cấp tín dụng qua thẻ tín dụng phù hợp với quy định pháp luật, trong đó quy định cụ thể về đối tượng, hạn mức, điều kiện, thời hạn cấp tín dụng, thời hạn trả nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu và lãi suất áp dụng. Do đó, đến ngày 23/4/2020, ông Đ vi phạm thỏa thuận thanh toán nên S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 28.751.640 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là có căn cứ.

Qua sự thừa nhận của S thì sau khi chuyển nợ quá hạn, ông Đ có thanh toán cho S số tiền 26.390.000 đồng, số tiền này được ưu tiên trừ vào nợ gốc 28.751.640 đồng. Tính đến ngày 25/3/2025, ông Đ còn nợ là 10.900.516 đồng. Theo bản tóm tắt sao kê ngày 25/3/2025 đối với số thẻ 512341-1856 của chủ thẻ Lê Huỳnh Đ, số tiền còn nợ là 10.900.516 đồng, gồm: gốc là 2.361.640 đồng và lãi quá hạn là 8.538.876 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định đến ngày 25/3/2025, ông Đ còn nợ số tiền là 10.900.516 đồng.

Từ những nhận định nói trên, đối với yêu cầu của S buộc ông Đ phải trả làm một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 10.900.516

(mười triệu chín trăm nghìn năm trăm mười sáu) đồng, trong đó gồm: gốc là 2.361.640 đồng và lãi quá hạn là 8.238.016 đồng. Đồng thời buộc ông Đ phải thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ, là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Tại phiên Tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân quận B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của S, buộc ông Đ phải trả làm một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 10.900.516 (mười triệu chín trăm nghìn năm trăm mười sáu) đồng, gồm: gốc 2.361.640 đồng và lãi quá hạn 8.538.876 đồng. Đồng thời buộc ông Đ phải thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ cho S. Xét thấy, đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì: ông Đ chịu trách nhiệm trả tiền cho S nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 10.599.656 đồng. Số tiền án phí là 10.900.516 đồng x 5% = 545.025,8 đồng. Ông Đ phải chịu án phí là 545.026 đồng.

S không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho S số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009873 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1.1. Buộc ông Lê Huỳnh Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ 10.900.516 (mười triệu chín trăm nghìn năm trăm mười sáu) đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 2.361.640 đồng và lãi quá hạn là 8.538.876 đồng, thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Ông Lê Huỳnh Đ tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/10/2018 đã ký giữa ông Lê Huỳnh Đ với Ngân hàng TMCP S kể từ ngày 26/3/2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí DSST: Ông Lê Huỳnh Đ phải chịu số tiền án phí là 545.026 (năm trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009873 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố H.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND quận B;
- CC THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP (N).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)
Nguyễn Thành T